

Bản án số: 267/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/9/2022  
*V/v tranh chấp “Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Trung Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Hòa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Kim T**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp Y, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không lo làm ăn, thường xuyên tham gia cờ bạc, đá gà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh tự bỏ nhà đi nhiều lần. Anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng hơn 03 năm nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/02/1992 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 25/02/1994. Hiện 02 con đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn M không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn anh M vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh M, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy anh M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị T khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị và anh Nguyễn Văn M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không lo làm ăn, thường xuyên tham gia cờ bạc, đá gà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh tự bỏ nhà đi nhiều lần. Anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng hơn 03 năm nay.

Anh M là bị đơn đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc chị M kiện, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

Tuy nhiên, theo lời chị T trình bày chị và anh M cưới về sống chung năm 1990, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân

và gia đình số 52/2014. Do anh, chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Kim T và anh Nguyễn Văn M

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/02/1992 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 25/02/1994. Hiện 02 con chung của anh chị đã thành niên, nên không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. **Về án phí**: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị T, anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Xử:**

##### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

- Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Kim T và anh Nguyễn Văn M là quan hệ vợ chồng.

##### **2. Về con chung**: Không đặt ra giải quyết (Đã thành niên)

##### **3. Về tài sản chung**: Không đặt ra giải quyết do không có yêu cầu.

##### **4. Về nợ chung**: Không đặt ra giải quyết do không có yêu cầu.

##### **5. Về án phí:**

- Chị Nguyễn Kim T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009949 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

##### **6. Về quyền kháng cáo:**

- Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh M được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Nhịn**